

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/DS-PT

Ngày: 22/5/2024

*“V/v tranh chấp về dân sự
chia thừa kế quyền sử
dụng”*

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Tăng

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/04 và 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc *“Tranh chấp về dân sự chia thừa kế quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2024 (*Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 410/2024/TB-TA ngày 21/02/2024*), giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961;

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1957 (chết ngày 12/6/2021);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn S:

2.1. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1966;

2.2. Anh Nguyễn Dương L2, sinh năm 1991;

2.3. Anh Nguyễn Sĩ H, sinh năm 2000;

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961 (theo các Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 01 năm 2021, ngày 28 tháng 3 và ngày 31 tháng 3 năm 2022).

Cùng nơi cư trú: Ấp F, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1954 (chết ngày 02/8/2023);

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Đ:

1. Bà Ngô Thị H1, sinh ngày 01/01/1955;
2. Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1978;
3. Anh Nguyễn Lý N, sinh ngày 01/01/1980;
4. Chị Nguyễn Thị G, sinh ngày 01/01/1982;
5. Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1986;
6. Chị Nguyễn Thị Thu E, sinh ngày 01/01/1984;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H1, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị Thu E: Anh Nguyễn Lý N, sinh ngày 01/01/1980 (theo các Giấy ủy quyền ngày 23/4/2024).

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Lý N: Luật sư Hồ Thanh H2, Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số A, đường V, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1963 (đã chết 2004).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H3:

1. Ông Lê Văn H4, sinh năm 1957;
2. Anh Lê Văn T1, sinh năm 1981;
3. Anh Lê Văn S1, sinh năm 1985;
4. Chị Lê Thị N1, sinh năm 2001;

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Ấp F, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M là nguyên đơn và bà Lê Thị L1 người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2020 của các nguyên đơn Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị M và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H và bà Nguyễn Thị M trình bày*: Nguyên cha ông Nguyễn Văn T2 (chết năm 1975) và mẹ Nguyễn Thị M1 (chết năm 1992). Khi còn sống, cha mẹ có tạo lập được một phần đất ruộng và phần đất thổ cư. Đối với phần đất ruộng thì cha, mẹ đã chia cho anh em hết rồi. Khi cha, mẹ ông qua đời để lại phần đất thổ cư diện tích 698,5m²(qua đo đạc thực tế 652m²) thuộc một phần thửa 981, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh Nguyễn Văn Đ bao chiếm để chia cho các con

anh Đ, nay các anh em ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ chia phần diện tích này thành 04 phần bằng nhau, mỗi người được hưởng 163m².

** Bị đơn Nguyễn Văn Đ trình bày:* Nguyên cha ông là ông Nguyễn Văn T2, mẹ là bà Nguyễn Thị M1 qua đời để lại phần đất thổ cư với diện tích 698,5m² như các nguyên đơn trình bày, nhưng phần đất này ông và cha ông bao chiếm của ông Sáu C từ năm 1939 thì cha ông quản lý sử dụng, đến năm 1975 cha chết thì ông sử dụng cho đến nay. Nay ông không thống nhất chia theo yêu cầu của các nguyên đơn vì đất này của ông quản lý và sử dụng từ khi cha ông chết cho đến nay.

** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 là ông Lê Văn H4, anh Lê Văn T1, anh Lê Văn S1, chị Lê Thị N1 trình bày:* Nguyên do các nguyên đơn Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị M yêu cầu Nguyễn Văn Đ chia thừa kế phần đất thổ cư của cha mẹ để lại tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, trong đó có bà Nguyễn Thị H3 đã chết là chị em của các nguyên đơn Lãng, S, M, Đ. Bà H3 là vợ và là mẹ chúng tôi, bà H3 đã qua đời, chúng tôi là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà H3 có ý kiến là không có yêu cầu chia thừa kế phần của bà H3 và cũng không có tranh chấp gì về sau này.

** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là bà Ngô Thị H1, chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Thu E và anh Nguyễn Lý N trình bày:* Chúng tôi có biết nội dung các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Đ chia thừa kế quyền sử dụng đất cho mỗi nguyên đơn diện tích 174,6m², thuộc một phần thửa 981, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ trình bày, nguồn gốc đất đang tranh chấp theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 20 tháng 9 năm 2021, diện tích 652m², thuộc một phần thửa 981, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là do ông Nguyễn Văn T2 (là cha ruột của ông Đ) và bà Nguyễn Thị M1 (là mẹ ruột của ông Đ) cho ông Đ, chúng tôi thống nhất đây là tài sản của ông Nguyễn Văn Đ, chúng tôi không tranh chấp. Ngày 02 tháng 8 năm 2023 ông Nguyễn Văn Đ chết, trước khi ông chết có làm ủy quyền lại cho anh Nguyễn Lý N tham gia giải quyết tranh chấp, chúng tôi thống nhất giao toàn bộ phần đất diện tích 652m² cho Nguyễn Lý N toàn quyền quyết định, chúng tôi không tranh chấp. Do chúng tôi bận công việc nhiều và không có tranh chấp với ai trong vụ án này, chúng tôi yêu cầu Tòa án cho chúng tôi được vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm. Chúng tôi cam đoan những lời trình bày trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời trình bày của chúng tôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Lý N trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp diện tích 652,0m², (theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 20 tháng 9 năm 2021, được thể hiện từ mốc M1, M2, M3, M4 trở về M1), thuộc một phần thửa 981, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp là do ông Nguyễn Văn T2 (chết ngày 16 tháng 12 năm 1975 là cha ruột của ông Đ) và bà Nguyễn Thị M1 (chết ngày 16 tháng 01 năm 1992 là mẹ ruột của ông Đ) cho ông Đ, thời điểm cha mẹ còn sống đã lấy phần đất này cho ông Đ, mục đích để ông Đ thờ cúng giỗ quảy cho ông T2 bà M1, hiện nay ông Đ và các

con của ông Đ đang thờ cúng ông T2 bà M1, các em của ông Đ như ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M được ông T2 bà M1 cho đất rồi, hiện tại đất vẫn đang canh tác. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Đ, anh N cất nhà ở ổn định từ năm 1989 đến nay. Nay các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Đ chia thừa kế quyền sử dụng đất cho mỗi nguyên đơn diện tích 174,6m², thuộc một phần thửa 981, tờ bản đồ số 31, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) anh N không thống nhất vì đất là của ông Đ, các anh chị em và mẹ của anh N thống nhất giao phần đất này cho anh N, không tranh chấp. Ông Nguyễn Văn T2 (chết ngày 16 tháng 12 năm 1975) và bà Nguyễn Thị M1 (chết ngày 16 tháng 01 năm 1992), Ông T2 chết cách 48 năm, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế phần của ông T2 không còn, theo quy định tại khoản 1, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thì Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản”. Do đó, Thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn không còn, nên tôi yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu chia thừa kế để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H). Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Lý N chia giá trị di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 652m², thuộc thửa số 981, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 10.171.200 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

1.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 10.171.200 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

1.3. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H) được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 10.171.200 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

1.4. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Lý N được quyền sử dụng phần diện tích 652m², thuộc thửa số 981, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số TĐ06-2021 ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H) về việc yêu cầu chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H) về việc yêu cầu chia quyền sử dụng thành 04 phần.

4. Về chi phí thẩm định:

4.1. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L số tiền 969.600 đồng (chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

4.2. Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H5 nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L số tiền 969.600 đồng (chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

4.3. Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Lý N có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L số tiền 1.939.200 đồng (một triệu chín trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Lý N phải chịu 1.017.000 đồng (một triệu không trăm mười bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H liên đới phải chịu 508.500 đồng (năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 508.500 đồng (năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ đi tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 650.000 đồng (sáu trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0003124 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, bà Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền 141.500 đồng (một trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng).

5.4. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi, ông Nguyễn Văn L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 đồng (sáu trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0003123 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và bà Lê Thị L1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, ông L, bà M và bà L1 yêu cầu sửa bản án

sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L, bà M và bà L1 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) về việc yêu cầu chia di sản thừa kế (*diện tích 652m²*) của cụ Nguyễn Văn T2 và cụ Nguyễn Thị M1 chết để lại chia thừa kế theo pháp luật cho 4 người con, mỗi người được nhận diện tích 163m², gồm ông L, bà M và bà L1 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*). Ông L, bà M và bà L1 yêu cầu không chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị H3, (*con cụ T2, cụ M1*) do những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H3 không yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T2, cụ M1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông L, bà M và bà L1 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S) trình bày: Phần đất đang tranh chấp diện tích 652m² là của cha mẹ là cụ T2, cụ M1 chết để lại chưa chia cho ai, do ông Đ là anh cả trong gia đình nên quản lý, về sau sẽ chia cho những người em khi có yêu cầu sử dụng. Nhưng ông Đ lại phân chia phần đất này cho các con của ông là không đúng quy định của pháp luật. Trong 5 người con của cụ T2, cụ M1 thì bà H3 đã chết năm 2004, chồng là ông Lê Văn H4 cho rằng tài sản tranh chấp là của bên vợ nên không tham gia khởi kiện. Do đó, chỉ có ông L, bà M và ông S khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản trên cho 5 kỷ phần thừa kế, phần của bà H3 lại giao cho con ông Đ là anh N được hưởng là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông L, bà M và bà L1 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) mỗi người được hưởng một kỷ phần nhưng lại không cho nhận hiện vật (*diện tích đất được chia thừa kế*) mà giao toàn bộ phần đất trên cho anh N được hưởng, buộc anh N trả giá trị đất với số tiền 75.000đ/m² lại cho ông L, bà M và bà L1 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà M và bà L1 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và bà Lê Thị L1 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của ông L, bà M và bà L1 được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt: Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị H3, gồm chồng là ông Lê Văn H4, các con bà H3 là anh Lê Văn T1, anh Lê Văn S1, chị Lê Thị N1 đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai

nhưng vắng mặt. Xét thấy, các đương sự nêu trên vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn S, chết 2021 (*người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S: bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H và bà Nguyễn Thị M*) yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này là diện tích 652m² (đất trồng cây lâu năm), thuộc một phần thửa số 981, tờ bản đồ số 31 (*chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Vị trí, số đo đối với diện tích 652m² được xác định theo trích đo tại các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, đất tọa lạc tại xã T, huyện H tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số TĐ06-2021 ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H là di sản của cụ Nguyễn Văn T2 (chết năm 1975), cụ Nguyễn Thị M1 (chết năm 1992) chết để lại, không có di chúc, chia thừa kế theo pháp luật.

[3] Xét thấy, nguyên đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đ đều thừa nhận cụ T2 và cụ M1 là vợ chồng sinh thời có với nhau được 05 người con chung, gồm ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị H3. Các bên đương sự cũng thừa nhận nguồn gốc đất là của cụ T2, cụ M1 tạo lập. Đồng thời, theo Biên bản hòa giải tại UBND xã T ngày 23/10/2020 (**BL 27**), thì ông Đ cũng thừa nhận phần đất ông L tranh chấp là đất của cha là ông Nguyễn Văn T2 và mẹ là bà Nguyễn Thị M1 và tại Biên bản tiếp xúc ngày 18/9/2020 tại UBND xã T với ông Nguyễn Văn N2, ông Ngô Văn B và đơn xác nhận ngày 13/02/2023 của ông Lý Văn P, bà Nguyễn Thị Đ1 đều xác định phần đất tranh chấp là của cụ T2, cụ M1 chết để lại.

Cụ Nguyễn Văn T2 (chết năm 1975), căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 149 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T2 (chết năm 1975) được tính từ ngày 10 tháng 9 năm 1990 là phù hợp và tính đến ngày 16/12/2020 các nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo qui định. Tuy nhiên, sau khi cụ T2 chết thì cụ M1 tiếp tục quản lý và sử dụng phần đất tranh chấp 652m² cho đến khi cụ Nguyễn Thị M1 (chết năm 1992) thì thời hiệu phát sinh yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ M1 vẫn còn, phần đất vẫn chưa được cấp Giấy CNQSD đất được các nguyên, bị đơn trong vụ kiện đều xác định đất tranh chấp là di sản của cụ T2 và cụ M1 tạo lập nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích đất tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế là có căn cứ.

Theo Công văn số 426/UBND-HC ngày 01/4/2022 của UBND huyện H (**BL 146**), xác định “*Theo bản đồ địa chính ghi nhận toàn bộ thửa đất số 981, tờ bản đồ số 31, mục đích sử dụng là đất thủy lợi, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Lý do: Đo đạc khoanh bao và chưa được đo đạc bổ sung bản đồ địa chính theo hiện trạng từng loại đất...*”, và Công văn số 690/UBND-HC ngày

03/5/2024 của UBND huyện H, xác định “.. diện tích 652m², thuộc một phần thửa 981, tờ bản đồ số 31, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm là xác định theo hiện trạng thực tế sử dụng đất; việc xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013”. Đồng thời, ông Nguyễn Văn Đ (những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Đ) cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất đang tranh chấp là của ông Đ, cũng như phân đất tranh chấp này ông đã được cụ T2, cụ M1 tặng cho hợp pháp.

Xét, các nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ (những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Đ) đều thừa nhận nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cụ T2, cụ M1. Do đó, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4]. Xét kháng cáo của ông L, bà M, ông S (bà Lê Thị L1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S) trình bày: Phân đất tranh chấp là của cụ T2, cụ M1 chết để lại, không có di chúc nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 4/5 người con của cụ T2, cụ M1, trừ bà H3 vì bà H3 (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H3 là chồng ông H4, các con anh T3, anh S1, chị N1) không yêu cầu chia thừa kế phần của bà H3 được hưởng nên những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà H3 không yêu cầu chia thừa kế, nhưng chưa xác định bà H3 từ bỏ quyền thừa kế mà bà H3 được hưởng theo quy định của pháp luật, vì theo Bản khai ngày 10/12/2022 của ông H4, anh T3, chị N1, anh S1 không yêu cầu chia thừa kế của bà H3 (**BL 177**) thể hiện nội dung “.. bà H3 đã qua đời chúng tôi là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H3 có ý kiến là không có yêu cầu chia thừa kế phần của bà H3 và cũng không có tranh chấp gì về sau..”. Tức là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H3 gồm chồng là ông H4, các con anh T3, anh S1, chị N1 không yêu cầu chia thừa kế phần của bà H3, nhưng không có từ chối nhận thừa kế phần của bà H3 hoặc nhận và giao lại cho người khác được hưởng. Do đó, bà H3 vẫn được hưởng 1/5 kỷ phần diện tích tranh chấp (tương ứng với số tiền là **10.171.200đ**), do bà H3 (ông H4, các con anh T3, anh S1, chị N1) do không có ý kiến hoặc đơn khước từ nhận di sản thừa kế nên kỷ phần bà H3 được hưởng tạm giao cho bên đang quản lý đất tranh chấp là ông Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà H1, chị T, chị G, anh D, anh N) tạm quản lý, trường hợp các bên không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Đ, là bà H1 (vợ ông Đ) và các con gồm chị Nguyễn Thị Bích T, chị Nguyễn Thị G, anh Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị Thu E đã tự nguyện thống nhất giao toàn bộ phần đất đang tranh chấp cho anh Nguyễn Lý N được toàn quyền sở hữu (theo các văn bản ủy quyền số 45,46,47,48 ngày 23/04/2024 được chứng thực tại UBND xã T). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị H3 là ông Lê Văn H4, anh Lê Văn T1, anh Lê Văn S1, chị Lê Thị N1 không có yêu cầu chia thừa kế và hiện nay phần diện tích đất đang tranh chấp do anh Lý N đang quản lý, sử dụng, nên kỷ phần của bà H3 (được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là **10.171.200đ**) tạm giao cho anh Lý N tiếp tục quản

lý, nếu những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà H3 có yêu cầu thì được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L, bà M, ông S (*bà Lê Thị L1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng giá của giá Hội đồng thẩm định theo biên bản định giá ngày 26/5/2022 thì giá trị là 78.000 đồng/m² chưa phù hợp nhưng những người kháng cáo thừa nhận Hội đồng thẩm định định giá cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa ông L, bà M, ông S (*bà Lê Thị L1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo biên bản định giá ngày 26/5/2022 thì giá trị là 78.000 đồng/m² là có căn cứ.

[5]. Xét thấy, diện tích 652m² (đất trồng cây lâu năm), thuộc một phần thửa số 981, tờ bản đồ số 31 (*chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*), tại các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, đất tọa lạc tại xã T, huyện H tỉnh Đồng Tháp theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số TĐ06-2021 ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H theo các nguyên đơn yêu cầu chia hiện vật phần được hưởng thừa kế thì diện tích của từng phần yêu cầu là diện tích 130,4m², không đủ điều kiện tách thành thửa đất riêng theo quy định tại Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phía bị đơn đang trực tiếp quản lý, sử dụng sẽ được tiếp tục sử dụng để không làm manh mún các thửa đất. Do đó, người kháng cáo yêu cầu được nhận hiện vật là QSD đất, không đồng ý nhận giá trị mỗi người nhận kỷ phần bằng tiền là 10.171.200đ là chưa phù hợp.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh N là có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà M, ông S (*bà Lê Thị L1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) là phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo của ông L, bà M, ông S (*bà Lê Thị L1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*) không được chấp nhận nên ông L, bà M, bà L1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 1, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ và phúc thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 149, 468, 609, 610, 612, 613, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 26/2018/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà M, ông S (*bà Lê Thị L1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S*).

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H). Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ - đại diện là anh Nguyễn Lý N chia giá trị di sản thừa kế quyền sử dụng đất diện tích 652m², thuộc thửa số 981, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, cụ thể như sau:

1.1. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 10.171.200 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

1.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 10.171.200 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

1.3. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H) được hưởng phần di sản tương ứng với số tiền là 10.171.200 đồng (mười triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

1.4. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Lý N được quyền sử dụng phần diện tích 652m², thuộc thửa số 981, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp *(trong đó có kỷ phần của bà Nguyễn Thị H3 tạm giao anh Nguyễn Lý N quản lý số tiền 10.171.200 đồng)*.

(Kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số TĐ06-2021 ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H) về việc yêu cầu chia thừa kế bằng quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H) về việc yêu cầu chia quyền sử dụng thành 04 phần.

4. Về chi phí thẩm định:

4.1. Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L3 tiền 969.600 đồng (chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

4.2. Buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H5 nghĩa vụ liên đới trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L số tiền 969.600 đồng (chín trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

4.3. Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Lý N có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L3 tiền 1.939.200 đồng (một triệu chín trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Lý N phải chịu 1.017.000 đồng (một triệu không trăm mười bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S gồm bà Lê Thị L1, anh Nguyễn Dương L2, anh Nguyễn Sĩ H liên đới phải chịu 508.500 đồng (năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 508.500 đồng (năm trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ đi tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 650.000 đồng (sáu trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0003124 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, bà Nguyễn Thị M được nhận lại số tiền 141.500 đồng (một trăm bốn mươi một nghìn năm trăm đồng).

5.4. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi, ông Nguyễn Văn L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000 đồng (sáu trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0003123 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006027, ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị L1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006028, ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND huyện Hồng Ngự;
- CCTHADS huyện Hồng Ngự;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trung Thành